

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0200344752

ngày 5 tháng 3 năm 1999

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0200344752 ngày 19 tháng 5 năm 2011. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Phạm Hữu Quý Lâm
Bùi Quốc Hưng
Chu Nhật Tân
Lâm Hồng Thanh
Nguyễn Văn Bình
Mai Xuân Phong

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch (đến ngày 26/04/2012)
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 27/04/2012)

Ban Giám đốc

Wilson Cheah Hui Pin
Nguyễn Văn Bình

Phạm Thị Thu Nga
Đoàn Ngọc Long

Tổng Giám đốc (từ ngày 16/07/2012)
Tổng Giám đốc (đến ngày 15/07/2012)
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/11/2012)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15/10/2012)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15/10/2012)

Trụ sở đăng ký

Số 71 Lê Lai
Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 4 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến trang 41. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính hợp nhất. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính là các số liệu so sánh đã trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, không kể các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính hợp nhất, là số liệu dựa trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do một công ty kiểm toán khác kiểm toán, và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 2 tháng 3 năm 2012. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh lại các số liệu so sánh như được trình bày tại Thuyết minh 4.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-02-082-a



Wang Toon Kim

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0557/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2013

Lê Việt Hùng

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0296/KTV

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		161.088.676.949	179.220.283.209
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	8.717.100.540	6.672.949.401
Tiền	111		8.717.100.540	6.672.949.401
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	1.770.688.000	1.529.054.800
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		5.952.080.000	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(4.181.392.000)	(4.423.025.200)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.918.997.299	45.252.988.135
Phải thu khách hàng	131		34.349.795.038	35.802.300.895
Trả trước cho người bán	132		1.349.548.878	8.665.453.628
Các khoản phải thu khác	135	7	7.057.680.476	7.600.952.166
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.838.027.093)	(6.815.718.554)
Hàng tồn kho	140	8	112.543.301.529	124.121.175.771
Hàng tồn kho	141		114.146.476.137	124.835.293.342
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.603.174.608)	(714.117.571)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.138.589.581	1.644.115.102
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		236.016.258	935.368.750
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		567.464.358	52.844.981
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.335.108.965	655.901.371
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		67.305.170.124	75.986.870.301
Tài sản cố định	220		66.745.812.286	75.022.323.311
Tài sản cố định hữu hình	221	9	52.790.633.040	61.091.689.519
Nguyên giá	222		135.731.703.456	134.181.351.718
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.941.070.416)	(73.089.662.199)
Tài sản cố định vô hình	227	10	12.532.172.202	12.532.172.202
Nguyên giá	228		12.532.172.202	12.532.172.202
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.423.007.044	1.398.461.590
Tài sản dài hạn khác	260		559.357.838	964.546.990
Chi phí trả trước dài hạn	261		514.357.838	919.546.990
Tài sản dài hạn khác	268		45.000.000	45.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		228.393.847.073	255.207.153.510

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		126.280.229.772	145.441.485.699
Nợ ngắn hạn	310		123.236.944.057	132.170.489.989
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	63.614.558.604	72.658.944.232
Phải trả người bán	312		15.679.608.393	18.103.332.800
Người mua trả tiền trước	313		1.893.943.457	95.183.306
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	14.559.213.550	10.677.872.107
Phải trả người lao động	315		9.754.811.990	13.369.422.354
Chi phí phải trả	316	16	6.113.989.975	6.403.147.581
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	3.142.232.081	4.553.825.868
Dự phòng phải trả	320	19	5.458.254.250	5.458.254.250
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	3.020.331.757	850.507.491
Vay và nợ dài hạn	330		3.043.285.715	13.270.995.710
Phải trả dài hạn khác	333		271.285.715	271.285.715
Vay dài hạn	334	20	2.772.000.000	12.249.539.456
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	-	750.170.539
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		102.113.617.301	109.765.667.811
Vốn chủ sở hữu	410	21	102.113.617.301	109.765.667.811
Vốn cổ phần	411	22	50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	417	24	11.301.501.805	8.257.797.310
Quỹ dự phòng tài chính	418	24	10.674.230.924	8.968.098.035
Lợi nhuận chưa phân phối	420		14.384.497.222	26.786.385.116
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		228.393.847.073	255.207.153.510

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tiền tệ	31/12/2012	31/12/2011
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	2.396.601.988	2.396.601.988
Ngoại tệ USD	USD	3.819	2.900

Ngày 10 tháng 4 năm 2013

Người lập:



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	25	673.330.217.903	828.356.780.429
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	1.673.712.073	1.233.408.148
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	671.656.505.830	827.123.372.281
Giá vốn hàng bán	11	26	558.618.075.755	683.183.263.488
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		113.038.430.075	143.940.108.793
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	329.527.669	979.942.581
Chi phí tài chính	22	28	10.921.937.170	14.538.477.549
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.813.145.726	12.747.475.040
Chi phí bán hàng	24		50.878.422.641	38.634.904.701
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		37.950.561.265	51.152.269.571
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		13.617.036.668	40.594.399.553
Thu nhập khác	31		1.356.675.769	835.561.123
Chi phí khác	32		659.244.863	1.343.789.848
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		697.430.906	(508.228.725)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.314.467.574	40.086.170.828
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.558.378.488	7.841.531.462
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		10.756.089.086	32.244.639.366
Lãi trên cổ phiếu		30		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.151	6.449

Ngày 10 tháng 4 năm 2013

Người lập:

Phạm Thị Thu Nga

Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		14.314.467.574	40.086.170.828
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		10.079.498.377	8.864.361.328
Các khoản dự phòng	03		924.703.837	(2.613.088.347)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(256.120.753)	(487.495.848)
Chi phí lãi vay	06		10.813.145.726	12.747.475.040
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		35.875.694.761	58.597.423.001
Biến động các khoản phải thu	09		8.117.855.326	15.234.561.875
Biến động hàng tồn kho	10		10.688.817.205	(62.481.762.649)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(3.402.067.335)	(5.059.623.683)
Biến động chi phí trả trước	12		1.104.541.644	(903.739.558)
			52.384.841.601	5.386.858.986
Tiền lãi vay đã trả	13		(10.813.145.726)	(12.727.011.303)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(2.215.295.723)	(4.290.161.717)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	131.123.233
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.243.457.330)	(3.456.546.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.112.942.822	(14.955.737.035)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.059.563.217)	(11.185.225.840)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		256.575.865	27.460.861
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		256.120.753	460.034.987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.546.866.599)	(10.697.729.992)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		187.277.427.605	185.381.804.269
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(205.799.352.689)	(156.758.376.485)
Tiền trả cổ tức	36		(10.000.000.000)	(7.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.521.925.084)	21.123.427.784
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.044.151.139	(4.530.039.243)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		6.672.949.401	11.202.988.644
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	8.717.100.540	6.672.949.401

Ngày 10 tháng 4 năm 2013

Người lập:



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”). Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất của chủ sở hữu, người sử dụng đất hoặc người thuê đất;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất các mặt hàng của Công ty;
- Sản xuất dầu gan cá và các chế phẩm nang mềm;
- Sản xuất các chế phẩm từ tảo biển: Agar – Alginate; và
- Kinh doanh xăng, dầu, khí đốt và khí hóa lỏng.

Chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Các hoạt động chính	31/12/2012		31/12/2011	
		% sở hữu đăng ký	% lợi ích và quyền biểu quyết	% sở hữu đăng ký	% lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	Sản xuất và chế biến các mặt hàng thủy sản và các thực phẩm khác;	100%	100%	100%	100%
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Đồ hộp Hạ Long	Sản xuất, chế biến và kinh doanh đồ hộp, các mặt hàng thủy sản và các thực phẩm khác;	100%	100%	100%	100%

Các công ty con này được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 886 nhân viên (31/12/2011: 938 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 4 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao không được tính đối với quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Ngoại trừ dự phòng trợ cấp thôi việc được trình bày dưới đây, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm làm việc của nhân viên, mức lương hiện tại của họ và tỷ lệ nhân viên xin thôi việc ước tính dựa trên dữ liệu thống kê quá khứ và các biến số kinh tế khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (tài khoản 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Giám đốc Tập đoàn tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Tập đoàn đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Nếu Tập đoàn áp dụng chính sách kế toán về trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và Chuẩn mực kế toán số 18 – *Các khoản dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng*, nợ phải trả dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ lần lượt tăng 2.840.386.950VND và giảm 2.130.290.212VND (trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 710.096.738VND).

(I) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con và công ty liên kết của các cổ đông này, và các bên liên quan khác theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

4. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Giám đốc Tập đoàn đã xác định được các sai sót dưới đây trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước:

- Tập đoàn đáng lẽ nên ghi nhận các khoản phải thu từ các cá nhân và dự phòng ngắn hạn cho thuế giá trị gia tăng phải nộp Nhà nước trị giá 5.458.254.250 VND theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005;
- Dự phòng nợ khó đòi cho các khoản phải thu từ các cá nhân trị giá 5.458.254.250 VND đáng lẽ phải được lập;
- Nhà máy và một số tài sản cố định khác trị giá 23.332.169.907 VND vẫn được ghi nhận là xây dựng cơ bản dở dang và chưa được chuyển sang tài sản cố định trong khi các tài sản này đã được sử dụng từ năm 2011; và
- Vay dài hạn đến hạn trả trị giá 2.144.000.000 VND không được phân loại là vay ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được điều chỉnh lại để sửa chữa các sai sót này như sau:

	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:			
Các khoản phải thu khác	2.142.697.916	5.458.254.250	7.600.952.166
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.357.464.304)	(5.458.254.250)	(6.815.718.554)
Tài sản cố định hữu hình - Nguyên giá	110.849.181.811	23.332.169.907	134.181.351.718
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	24.730.631.497	(23.332.169.907)	1.398.461.590
Vay ngắn hạn	70.514.944.232	2.144.000.000	72.658.944.232
Dự phòng ngắn hạn	-	5.458.254.250	5.458.254.250
Vay dài hạn	14.393.539.456	(2.144.000.000)	12.249.539.456
Lợi nhuận chưa phân phối	32.244.639.366	(5.458.254.250)	26.786.385.116

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Sản xuất đồ hộp		Kinh doanh thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	304.961.639.081	373.047.006.389	368.368.578.822	455.309.774.040	-	-	673.330.217.903	828.356.780.429
Doanh thu giữa các bộ phận	16.157.248.840	23.909.846.020	30.622.230.256	75.662.308.814	(46.779.479.096)	(99.572.154.834)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	321.118.887.921	396.956.852.409	398.990.809.078	530.972.082.854	(46.779.479.096)	(99.572.154.834)	673.330.217.903	828.356.780.429
Kết quả kinh doanh của bộ phận	6.259.199.434	39.100.389.680	2.148.774.242	3.254.009.873	5.209.062.992	(1.760.000.000)	13.617.036.668	40.594.399.553
Thu nhập khác	31.515.560.207	1.172.545.498	270.284.098	23.134.100	(30.429.168.536)	(360.118.476)	1.356.675.769	835.561.122
Chi phí khác	(30.660.082.399)	(1.703.908.324)	-	-	30.000.837.536	360.118.476	(659.244.863)	(1.343.789.848)
Thuế thu nhập	(3.135.043.278)	(7.022.245.468)	(423.335.210)	(819.285.994)	-	-	(3.558.378.488)	(7.841.531.462)
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.979.633.964	31.546.781.386	1.995.723.130	2.457.857.980	4.780.731.992	(1.760.000.000)	10.756.089.086	32.244.639.366

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Sản xuất đồ hộp		Kinh doanh thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND
Tài sản của bộ phận	177.617.319.860	197.418.216.533	85.670.738.029	69.281.679.166	(34.894.210.816)	(11.492.742.189)	228.393.847.073	255.207.153.510
Tổng tài sản	177.617.319.860	197.418.216.533	85.670.738.029	69.281.679.166	(34.894.210.816)	(11.492.742.189)	228.393.847.073	255.207.153.510
Nợ phải trả của bộ phận	67.775.796.309	88.928.185.789	76.879.376.271	60.006.042.099	(18.374.942.808)	(3.492.742.189)	126.280.229.772	145.441.485.699
Tổng nợ phải trả	67.775.796.309	88.928.185.789	76.879.376.271	60.006.042.099	(18.374.942.808)	(3.492.742.189)	126.280.229.772	145.441.485.699
Chi phí vốn	1.578.765.090	11.185.225.840	480.798.127	-	-	-	2.059.563.217	11.185.225.840
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8.942.317.250	7.634.339.328	1.137.181.127	1.230.022.000	-	-	10.079.498.377	8.864.361.328

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	1.055.200.702	1.216.381.234
Tiền gửi ngân hàng	7.661.899.838	5.239.774.167
Tiền đang chuyển	-	216.794.000
	8.717.100.540	6.672.949.401

7. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu người lao động	108.256.436	368.562.320
Phải thu từ các cá nhân	6.475.104.250	5.458.254.250
Phải thu khác	474.319.790	1.774.135.596
	7.057.680.476	7.600.952.166

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên vật liệu	29.880.946.806	47.303.144.606
Công cụ, dụng cụ	75.746.429	73.687.526
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.073.233.198	4.336.580.878
Thành phẩm	25.874.934.796	72.551.939.930
Hàng hóa	52.241.614.908	-
Hàng gửi đi bán	-	569.940.402
	114.146.476.137	124.835.293.342
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.603.174.608)	(714.117.571)
	112.543.301.529	124.121.175.771

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	714.117.571	4.052.264.905
Tăng dự phòng trong năm	1.436.132.849	1.504.257.874
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(2.172.417.885)
Hoàn nhập	(547.075.812)	(2.669.987.323)
Số dư cuối năm	1.603.174.608	714.117.571

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là không VND (31/12/2011: 77.705 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm - Đã điều chỉnh lại	56.897.983.964	66.531.229.240	8.466.973.226	2.285.165.288	134.181.351.718
Tăng trong năm	480.798.127	1.554.219.636	-	-	2.035.017.763
Phân loại lại	(34.682.175)	(860.220.331)	860.220.331	34.682.175	-
Thanh lý	-	(484.666.025)	-	-	(484.666.025)
Số dư cuối năm	57.344.099.916	66.740.562.520	9.327.193.557	2.319.847.463	135.731.703.456
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.551.946.683	44.468.930.117	5.201.852.490	866.932.909	73.089.662.199
Khấu hao trong năm	3.548.822.601	5.271.622.546	992.477.460	266.575.770	10.079.498.377
Phân loại lại	(40.524.826)	(669.793.730)	675.636.386	34.682.170	-
Thanh lý	-	(228.090.160)	-	-	(228.090.160)
Số dư cuối năm	26.060.244.458	48.842.668.773	6.869.966.336	1.168.190.849	82.941.070.416
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm - Đã điều chỉnh lại	34.346.037.281	22.062.299.123	3.265.120.736	1.418.232.379	61.091.689.519
Số dư cuối năm	31.283.855.458	17.897.893.747	2.457.227.221	1.151.656.614	52.790.633.040

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 50.513 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 46.657 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 16.851 triệu VND (31/12/2011: 16.851 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 11.200 triệu VND (31/12/2011: 11.200 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	1.398.461.590	19.152.512.541
Tăng trong năm	24.545.454	6.006.079.568
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(23.447.765.362)
Chuyển sang các khoản mục khác	-	(312.365.157)
Số dư cuối năm	1.423.007.044	1.398.461.590

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện cơ sở hạ tầng được phát triển với mục đích cho thuê trong tương lai.

12. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Đầu tư ngắn hạn:				
• Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú	4.740	303.300.000	4.740	303.300.000
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	96.701	3.142.610.000	96.701	3.142.610.000
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	51.935	2.506.170.000	51.935	2.506.170.000
	153.376	5.952.080.000	153.376	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(4.181.392.000)		(4.423.025.200)
		1.770.688.000		1.529.054.800

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	4.423.025.200	3.633.956.500
Tăng dự phòng trong năm	-	789.068.700
Hoàn nhập	(241.633.200)	-
Số dư cuối năm	4.181.392.000	4.423.025.200

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	6.426.281.992	1.606.570.498	2.011.803.476	502.950.869

Lỗi tính thuế là lỗi tính thuế của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, và hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2016	Chưa quyết toán	2.011.803.476
2017	Chưa quyết toán	4.414.478.516
		6.426.281.992

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND Đã điều chỉnh lại
Vay ngắn hạn	61.440.480.069	70.514.944.232
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	2.174.078.535	2.144.000.000
	63.614.558.604	72.658.944.232

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản vay từ ngân hàng				
Indovina (“Indovinabank”)				
01/MT/IVB HP-CR/2010	USD	5%	-	427.030.800
032CL/IVB HP-CR/1	USD	4,5%	-	3.121.235.432
032CL/IVB HP-CR/2	USD	4,5%	-	793.057.200
032CL/IVB HP-CR/3	USD	5%	-	2.009.987.696
032CL/IVB HP-CR/4	USD	5%	-	793.057.200
032CL/IVB HP-CR/5	VND	18%	-	4.035.586.380
032CL/IVB HP-CR/6	VND	18%	-	6.475.017.305
Các khoản vay từ ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”)				
1603-LDS-201 10I981	VND	18%	-	5.664.716.760
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”)				
VCB - 0258/TD8/11LD	VND	17,5%	21.913.237.125	21.964.125.714
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đông Á				
	VND	17,5%	800.000.000	-
Các khoản vay khác				
	VND	19%	38.727.242.944	25.231.129.745
			61.440.480.069	70.514.944.232

Các khoản vay năm trước từ ngân hàng Indovinabank được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Tập đoàn.

Khoản vay năm trước từ ngân hàng Eximbank được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho của Tập đoàn.

Các khoản vay từ ngân hàng Vietcombank được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại 718/18A Quốc lộ 13, khu phố 4, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Ông Trương Đình Tùng – Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Một thành viên Đồ hộp Hạ Long.

Các khoản vay khác không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND Đã điều chỉnh lại
Thuế giá trị gia tăng	5.216.378.717	3.003.890.223
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.547.529.371	6.204.446.606
Thuế thu nhập cá nhân	101.573.462	437.760.278
Thuế nhà đất	1.693.732.000	1.031.775.000
	20.017.467.800	16.136.126.357

16. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả chi phí tiếp thị và quảng cáo	2.130.531.021	4.715.372.974
Phải trả chi phí điện, nước và tiện ích khác	3.983.458.954	1.687.774.607
	6.113.989.975	6.403.147.581

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	340.441.582	216.644.230
Bảo hiểm xã hội	204.921.170	58.535.340
Bảo hiểm y tế	204.076.940	241.955.917
Bảo hiểm thất nghiệp	152.108.168	106.769.540
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.240.684.221	3.929.920.841
	3.142.232.081	4.553.825.868

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	850.507.491	568.026.853
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối	7.973.047.990	3.423.712.035
Sử dụng trong năm	(5.803.223.724)	(3.141.231.397)
Số dư cuối năm	3.020.331.757	850.507.491

19. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi nghiệp VND	Các khoản khác (*) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	750.170.539	5.458.254.250	6.208.424.789
Dự phòng lập trong năm	276.328.816	-	276.328.816
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.005.142.000)	-	(1.005.142.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(21.357.355)	-	(21.357.355)
Số dư cuối năm	-	5.458.254.250	5.458.254.250
Ngắn hạn	-	5.458.254.250	5.458.254.250
Dài hạn	-	-	-

Số dư cuối năm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã đóng 681 triệu VND (2011: 573 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(*) Khoản dự phòng phải trả khác phản ánh khoản thuế Giá trị Gia tăng phải trả Nhà nước theo Bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005. Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả khoản thuế này cho Ngân sách Nhà nước khi thu được từ các cá nhân đó. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn vẫn không có khả thu được khoản này từ các cá nhân.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND Đã điều chỉnh lại
Vay dài hạn	4.946.078.535	14.393.539.456
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(2.174.078.535)	(2.144.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	2.772.000.000	12.249.539.456

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản vay từ ngân hàng Indovina (“Indovinabank”)					
▪ Hợp đồng tín dụng số 94MT/IVB HP-CR/2009	VND	18%	2014	1.700.000.000	7.955.803.926
▪ Hợp đồng tín dụng số 94MT/IVB HP-CR/2009	VND	18%	2012	-	1.077.735.530
Các khoản vay từ ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)					
▪ Hợp đồng tín dụng số 01.28.2009/HDTD	VND	3,7%	2014	3.246.078.535	5.360.000.000
				4.946.078.535	14.393.539.456

Các khoản vay ngân hàng Indovinabank được đảm bảo bằng các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 11.200 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 11.200 triệu VND) (xem Thuyết minh 10).

Khoản vay ngân hàng BIDV được đảm bảo bằng các tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 13.408 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 13.408 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011 - đã báo cáo trước đây</i>	50.000.000.000	15.753.387.350	6.572.678.212	6.431.806.557	15.191.442.277	93.949.314.396
<i>Điều chỉnh lại (xem Thuyết minh 4)</i>	-	-	-	-	(5.458.254.250)	(5.458.254.250)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011 - Đã điều chỉnh lại	50.000.000.000	15.753.387.350	6.572.678.212	6.431.806.557	9.733.188.027	88.491.060.146
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	32.244.639.366	32.244.639.366
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.689.356.017	2.578.374.225	(4.267.730.242)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(3.423.712.035)	(3.423.712.035)
Sử dụng các quỹ	-	-	(4.236.919)	(42.082.747)	-	(46.319.666)
Số dư tại ngày 1 tháng 2 năm 2012 - Đã điều chỉnh lại	50.000.000.000	15.753.387.350	8.257.797.310	8.968.098.035	26.786.385.116	109.765.667.811
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	10.756.089.086	10.756.089.086
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.398.464.495	1.786.464.495	(5.184.928.990)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(7.973.047.990)	(7.973.047.990)
Sử dụng các quỹ	-	-	(354.760.000)	(80.331.606)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	50.000.000.000	15.753.387.350	11.301.501.805	10.674.230.924	14.384.497.222	102.113.617.301

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

23. Cổ tức

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2012, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 10.000 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu).

Trong năm trước, vào ngày 6 tháng 5 năm 2011, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

24. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Hàng năm, Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con đã phân phối lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ đầu tư và phát triển và Quỹ dự phòng tài chính thuộc vốn chủ sở hữu theo thẩm quyền phê duyệt tương ứng.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	672.472.748.810	827.543.769.515
▪ Doanh thu cho thuê	857.469.093	813.010.914
	673.330.217.903	828.356.780.429
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.381.354.191	779.595.645
▪ Giảm giá hàng bán	7.568.928	180.693.443
▪ Hàng bán bị trả lại	284.788.954	273.119.060
	1.673.712.073	1.233.408.148
Doanh thu thuần	671.656.505.830	827.123.372.281

26. Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Thành phẩm đã bán	557.256.805.668	684.542.670.459
▪ Giá vốn cho thuê	306.472.041	813.010.914
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	889.057.037	(1.165.729.449)
	558.618.075.755	683.183.263.488

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	110.559.813	647.615.659
Cổ tức được chia	145.560.940	161.879.929
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.558.656	170.446.993
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39.848.260	-
	329.527.669	979.942.581

28. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	10.813.145.726	12.747.475.040
(Hoàn nhập)/tăng dự phòng giảm giá đầu tư	(241.633.200)	789.068.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.605.865	664.614.198
Chi phí tài chính khác	341.818.779	337.319.611
	10.921.937.170	14.538.477.549

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.558.378.488	7.811.593.889
Dự phòng thiếu trong năm trước	-	29.937.573
	3.558.378.488	7.841.531.462

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	14.314.467.574	40.086.170.828
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.578.616.894	10.021.542.707
Giảm thuế (*)	(1.525.019.351)	(2.996.703.384)
Chi phí không được khấu trừ thuế	430.260.769	324.273.679
Thu nhập không bị tính thuế	(36.390.235)	(40.469.982)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.110.910.411	502.950.869
Dự phòng thiếu trong năm trước	-	29.937.573
	3.558.378.488	7.841.531.462

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

- (*) Ngày 30 tháng 7 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 60/2012/NĐ-CP sẽ có hiệu lực từ ngày 20/09/2012 cho phép Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2012.

Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC (“Thông tư 140”) của Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Đồ hộp Hạ Long, một công ty con của Công ty, thỏa mãn định nghĩa về Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa (“SME”), do đó, công ty con này được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho năm 2012.

Theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2011.

30. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 10.756.089.086 VND (2011: 32.244.639.366 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 5.000.000 cổ phiếu (31/12/2011: 5.000.000 cổ phiếu).

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) *Quản lý rủi ro tài chính*

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) *Khung quản lý rủi ro*

Ban Kiểm soát của Tập đoàn có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Kiểm soát có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	7.661.899.838	5.456.568.167
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	(ii)	34.569.448.421	36.587.534.507
		42.231.348.259	42.044.102.674

(i) *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	1.138.547.388	16.153.048.122
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	251.800.256	1.625.625.565
Quá hạn trên 180 ngày	5.677.295	159.989.106
	1.396.024.939	17.938.662.793

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.815.718.554	6.879.728.267
Tăng dự phòng trong năm	50.308.539	4.250.370
Hoàn nhập	(28.000.000)	(68.260.083)
Số dư cuối năm	6.838.027.093	6.815.718.554

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2012	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	24.305.568.304	24.305.568.304	24.034.282.589	271.285.715	-
Vay ngắn hạn	61.440.480.069	64.473.260.852	64.473.260.852	-	-
Vay dài hạn	4.946.078.535	5.288.859.111	3.070.951.556	1.862.720.889	355.186.666
	90.692.126.908	94.067.688.267	91.578.494.997	2.134.006.604	355.186.666

31/12/2011	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	28.707.686.937	28.707.686.937	28.436.401.222	271.285.715	-
Vay ngắn hạn	70.514.944.232	74.452.445.303	74.452.445.303	-	-
Vay dài hạn	14.393.539.456	19.863.341.121	2.327.222.667	8.589.996.682	8.946.121.772
	113.616.170.625	123.023.473.361	105.216.069.192	8.861.282.397	8.946.121.772

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.856	2.265
Vay ngắn hạn	-	(339.626)
	3.856	(337.361)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
1 USD	20.812	20.828

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lãi thuần VND
31/12/2012	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	1.203.766
31/12/2011	
USD (mạnh thêm 8% so với VND)	(421.593.294)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Tập đoàn.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tất cả các khoản vay ngắn hạn và các khoản phải trả dài hạn của Tập đoàn chịu lãi suất cố định. Lợi nhuận thuần của Tập đoàn sẽ không bị ảnh hưởng bởi tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Tập đoàn nắm giữ. Ban Giám đốc của Tập đoàn theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Giám đốc phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
- Đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu nắm giữ để kinh doanh	1.770.688.000	1.770.688.000	1.529.054.800	1.529.054.800
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	8.717.100.540	8.717.100.540	6.672.949.401	6.672.949.401
- Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	34.569.448.421	34.569.448.421	36.587.534.507	36.587.534.507
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	(24.305.568.304)	(24.305.568.304)	(28.707.686.937)	(28.707.686.937)
- Vay ngắn hạn	(61.440.480.069)	(61.440.480.069)	(70.514.944.232)	(70.514.944.232)
- Vay dài hạn	(4.946.078.535)	(*)	(14.393.539.456)	(*)
	(45.634.889.947)	(*)	(68.826.631.917)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ được xác định bằng kỹ thuật định giá theo phương pháp giá thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn được xác định là giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn ()*

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn để thuyết minh thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.400.459.391	1.414.232.708
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.258.533.333	587.933.334

33. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	2.215.674.864	1.979.751.619
Trong vòng hai đến năm năm	3.294.136.469	4.085.125.022
Sau năm năm	933.747.286	1.782.608.454
	6.443.558.619	7.847.485.095

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	507.527.509.690	691.806.943.192
Chi phí nhân công	57.293.470.960	56.905.960.487
Chi phí khấu hao	10.079.498.377	8.864.361.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.284.299.471	8.461.888.595
Chi phí khác	20.321.928.349	44.175.918.790

Ngày 10 tháng 4 năm 2013

Người lập:



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc